

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 20-12-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con, chia tài sản khi ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Vân

*Các Thẩm phán:*

Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Thành Tâm

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:***  
Ông Trần Minh Công - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2022/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 113/2022/HNGĐ-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/QĐ-PT ngày 30/11/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967.

Địa chỉ: thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Dương Đình N – Văn phòng luật sư Dương Đình N – Thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: Số S N, tổ H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C; Địa chỉ: Tòa nhà C5 – khu bán đảo L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo

pháp luật: Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Chưởng Khánh Quỳnh L – Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng Chính sách xã hội huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Theo quyết định số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, quyết định số 111/QĐ-NHCS ngày 09/9/2020 của Giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng Chính sách xã hội huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

*Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H – Bị đơn.*

*(Ông Đ, bà H, ông Nam có mặt; Ngân hàng C vắng mặt tại phiên tòa)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo nội dung đơn xin ly hôn, lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn thì:*

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1989, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn với nhau ngày 04/11/1989 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng ông Đ, bà H sinh sống, làm ăn tại T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Đến năm 1998, vợ chồng ông Đ, bà H chuyển về sinh sống, làm ăn tại thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình sống chung vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa vợ chồng có quá nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống và quan điểm sống. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, khoảng cách giữa vợ chồng ngày càng nhiều. Không khí gia đình lúc nào cũng trong tình trạng căng thẳng, mệt mỏi. Mặc dù, vợ chồng ông Đ, bà H đã nhiều lần nói chuyện với nhau để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng đều không có kết quả. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Đ xác định không còn tình cảm với bà H, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau nên ông Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L giải quyết cho ông Đ và bà H được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 09/03/1993; Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 03/8/2000 và Nguyễn Phương Nam, sinh ngày 23/6/2009. Con chung Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Thu H đã đủ tuổi trưởng thành ở với ai do con chung tự quyết định. Ông đồng ý giao con chung Nguyễn Phương N cho bà H nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung gồm: Diện tích 5805m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 19, đất tọa lạc tại thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng và tài sản gắn liền với đất gồm 01 căn nhà xây cấp 4 có diện tích 40,48m<sup>2</sup>;

01 nhà bếp có diện tích 19,6m<sup>2</sup>; 01 mái vòm có diện tích 17,5m<sup>2</sup>; 01 hệ thống nước năng lượng mặt trời gồm bồn nước inox có dung tích 1000 lít hiệu Đại Thành, bình năng lượng mặt trời dung tích 140 lít hiệu NaKoRo; 100 cây cà phê kinh doanh; 200 cây thanh long. Thửa đất này đã được UBND huyện Lâm Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 283023 ngày 15/10/2001 và cập nhật tại trang IV ngày 29/8/2018 về việc đứng tên người sử dụng đất ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H.

Diện tích 340m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại KP C, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Thửa đất này đã được UBND huyện Lâm Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 818621 ngày 09/8/2007 đứng tên người sử dụng đất ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H.

Diện tích 3318m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số TĐ 02, tờ bản đồ số: Mảnh trích đo 04/2019 tọa lạc tại xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Thửa đất này đã được UBND huyện Lâm Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 027618 ngày 15/10/2020 đứng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H và tài sản gắn liền với đất là 200 cây cà phê trồng 04 năm tuổi; 20 cây bơ trồng năm thứ 3.

Khi ly hôn, ông Đ yêu cầu Tòa án xem xét giao cho ông Đ canh tác, quản lý, sử dụng thửa đất số 359, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại KP C, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng và thửa đất số TĐ 02, tờ bản đồ số: Mảnh trích đo 04/2019 tọa lạc tại xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng và tài sản gắn liền với đất.

Ông Đ đồng ý giao cho bà H canh tác, quản lý, sử dụng thửa đất số 124, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng và tài sản gắn liền với đất.

Đối với giá trị tài sản bà H nhận nhiều hơn ông Đ là 9.897.000 đồng thì ông Đ không yêu cầu bà H thanh toán lại.

Về nợ chung: Vợ chồng ông Đ, bà H có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà số tiền là 20.000.000 đồng. Khi ly hôn, ông Đ đồng ý trả một nửa số nợ gốc là 10.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong nợ gốc.

## *2. Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đ kết hôn với nhau năm 1989 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Quá trình sống chung hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Đ bài bạc, rượu chè, có quan hệ bất chính với

người phụ nữ khác. Từ đó dẫn đến kinh tế gia đình sa sút. Nay, ông Đ xin ly hôn, bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà đồng ý ly hôn với ông Đ.

Về tài sản chung: Bà H xác định tài sản chung của vợ chồng bà như ông Đ trình bày là đúng. Tuy nhiên, bà không đồng ý chia tài sản chung như yêu cầu của ông Đ. Bà đồng ý giao cho ông Đ thửa đất có diện tích là 340m<sup>2</sup>, còn các thửa đất khác thì bà yêu cầu ông Đ bán đi chia cho bà một nửa giá trị bằng tiền.

Về nợ chung: Bà H xác định vợ chồng có nợ bà Trần Thị Trúc, địa chỉ: thôn Trâm Phúc, xã Thái Hòa, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương số tiền là 700.000.000 đồng; nợ vợ chồng anh Nguyễn Việt Thành, chị Nguyễn Thị Thu, địa chỉ: thôn Hoàn Kiếm 1, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng số tiền là 520.000.000 đồng; nợ chị Nguyễn Thị Thu H, địa chỉ: thôn Tiên Kiều, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên số tiền là 480.000.000 đồng; nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng số tiền là 20.000.000 đồng. Khi ly hôn, bà H yêu cầu chia đôi khoản nợ của ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà; còn khoản nợ của chị Trúc, vợ chồng anh Thành, chị T và chị H thì do ông Đ không thừa nhận là nợ chung và bà cũng không có chứng cứ chứng minh nên để bà tự trả nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với những khoản nợ này.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án số 113/2022/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Văn Đ, xử cho ông Nguyễn Văn Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Phương N, sinh ngày 23/6/2009 cho bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng (hai triệu đồng) đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Giao cho ông Đ được quyền canh tác, sử dụng diện tích 340m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại KP C, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; diện tích 3318m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số TĐ 02, tờ bản đồ số: Mảnh trích đo 04/2019 tọa lạc tại xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng và tài sản gắn liền với đất là 200 cây cà phê trồng 04 năm tuổi; 20 cây bơ trồng năm thứ 3 (có trích lục họa đồ thửa đất kèm theo).

Giao cho bà H được quyền canh tác, sử dụng diện tích 5805m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại thôn H, xã N,

huyện L, tỉnh Lâm Đồng và tài sản gắn liền với đất gồm: 01 căn nhà xây cấp 4 có diện tích 40,48m<sup>2</sup>; 01 nhà bếp có diện tích 19,6m<sup>2</sup>; 01 mái vòm có diện tích 17,5m<sup>2</sup>; 01 hệ thống nước năng lượng mặt trời gồm bồn nước inox có dung tích 1000 lít hiệu Đại Thành, bình năng lượng mặt trời dung tích 140 lít hiệu NaKoRo; 100 cây cà phê kinh doanh; 200 cây thanh long (có trích lục họa đồ thửa đất kèm theo).

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung: Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng số tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 23/9/2022 là 36.986 đồng và tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thi hành xong nợ gốc.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ngân hàng C huyện L, tỉnh Lâm Đồng số tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 23/9/2022 là 36.986 đồng và tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thi hành xong nợ gốc.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 04/10/2022, bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm số 113/2022/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà theo hướng, giao toàn bộ tài sản cho ông Đ, ông Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà ½ giá trị tài sản chung.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn ông Đ không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà H.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Từ năm 2021 cho đến nay thì ông Đ đã dọn ra ở trọ, còn bà H vẫn sinh sống tại căn nhà cấp 4 trên thửa đất 124. Hiện nay điều kiện hoàn cảnh của ông Đ và bà H đều có nhu cầu về nơi ở và đất để canh tác nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chia tài sản như yêu cầu của ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H. Căn cứ khoản 2, Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm về phần nợ chung, không buộc bà H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng C huyện L số tiền 10.000.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H làm trong hạn luật định, người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc theo quy định tại Điều 272, Điều 273, Điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà H về phần tài sản chung thì thấy rằng:

[2.1.1] Vợ chồng ông Đ, bà H đều thống nhất xác định: Diện tích 5.805m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 19 tọa lạc thôn H, xã N, huyện L; trị giá 2.834.517.000 đồng; diện tích 340m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại KP C, thị trấn N, huyện L; trị giá 2.006.000.000 đồng và diện tích 3.318m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số TĐ 02, tờ bản đồ số: Mảnh trích đo 04/2019 tọa lạc xã N, huyện L; trị giá 818.620.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng.

[2.1.2] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ nhu cầu có chỗ ở, nhu cầu canh tác sử dụng đất của vợ chồng và chia cho các bên được nhận bằng hiện vật cụ thể như sau: Giao cho ông Đ được quyền canh tác, sử dụng diện tích 340m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 31 tọa lạc khu phố C, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; diện tích 3.318m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số TĐ 02, tờ bản đồ số: Mảnh trích đo 04/2019 tọa lạc tại xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng và tài sản gắn liền với đất là 200 cây cà phê trồng 04 năm tuổi; 20 cây bơ trồng năm thứ 3. Tổng giá trị tài sản ông Đ được nhận trị giá là 2.824.620.000 đồng. Giao cho bà H được quyền canh tác, sử dụng diện tích 5.805m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng và tài sản gắn liền với đất gồm: 01 căn nhà xây cấp 4 có diện tích 40,48m<sup>2</sup>; 01 nhà bếp có diện tích 19,6m<sup>2</sup>; 01 mái vòm có diện tích 17,5m<sup>2</sup>; 01 hệ thống nước năng lượng mặt trời gồm bồn nước inox có dung tích 1000 lít hiệu Đại Thành, bình năng lượng mặt trời dung tích 140 lít hiệu NaKoRo; 100 cây cà phê kinh doanh; 200 cây thanh long. Tổng giá trị tài sản bà H được nhận là 2.834.517.000 đồng. Tổng trị tài sản theo kết quả Thẩm định giá bà H được nhận nhiều hơn ông Đ là 9.897.000 đồng. Tuy nhiên, ông Đ không yêu cầu bà H thanh toán lại giá trị tài sản chênh lệch nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra để giải quyết là phù hợp.

Do đó, việc bà H kháng cáo đề nghị giao toàn bộ tài sản chung cho ông Đ để ông Đ bán hết tài sản thanh toán lại cho bà ½ giá trị như kết quả Thẩm định giá là không phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không có

cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà H, như ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa.

[2.2] Về nợ chung: Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị H mỗi người phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà số tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 23/9/2022 là 36.989 đồng và tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thi hành xong nợ gốc. Tuy nhiên, theo phiếu giao dịch ngày 04/10/2022 của Chi nhánh NHCSXH tỉnh Lâm Đồng PGD huyện Lâm Hà thể hiện bà Nguyễn Thị H đã thanh toán số nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo quyết định của bản án sơ thẩm với tổng số tiền 10.128.220 đồng. Do vậy cần sửa bản án sơ thẩm đối với phần nợ chung theo hướng không buộc bà Nguyễn Thị H trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà số tiền nợ gốc và lãi, phần nợ gốc còn lại buộc ông Đ phải có nghĩa vụ trả là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm về phần nợ chung.

[2.3] Về quan hệ hôn nhân, con chung và các phần khác của bản án sơ thẩm: Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Tòa án cấp phúc thẩm sửa về phần nợ chung không liên quan đến yêu cầu kháng cáo của bà H, nên bà H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H. Sửa bản án sơ thẩm số 113/2022/HNGĐ-ST ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà về phần nợ chung.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân, con chung và các phần khác của bản án sơ thẩm: Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

2. Về tài sản chung: Giao cho ông Đ được quyền canh tác, sử dụng diện tích 340m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 359, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại KP C, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; diện tích 3318m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số TĐ 02, tờ bản đồ số: Mảnh trích đo 04/2019 tọa lạc tại xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng và tài sản gắn liền với đất là 200 cây cà phê trồng 04 năm tuổi; 20 cây bơ trồng năm thứ 3 (có trích lục họa đồ thửa đất kèm theo).

Giao cho bà H được quyền canh tác, sử dụng diện tích 5805m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 124, tờ bản đồ số 19 tọa lạc tại thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng và tài sản gắn liền với đất gồm: 01 căn nhà xây cấp 4 có diện tích 40,48m<sup>2</sup>; 01 nhà bếp có diện tích 19,6m<sup>2</sup>; 01 mái vòm có diện tích 17,5m<sup>2</sup>; 01 hệ thống nước năng lượng mặt trời gồm bồn nước inox có dung tích 1000 lít hiệu Đại Thành, bình năng lượng mặt trời dung tích 140 lít hiệu NaKoRo; 100 cây cà phê kinh doanh; 200 cây thanh long (có trích lục họa đồ thửa đất kèm theo).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục theo quy định của pháp luật để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần tài sản được chia (Có trích lục họa đồ thửa đất kèm theo).

3. Về nợ chung: Buộc ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà 10.000.000 đồng nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày 23/9/2022 là 36.986 đồng và tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thi hành xong nợ gốc.

4. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 89.594.249 đồng (tám mươi chín triệu chín trăm năm mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 10.300.000 đồng (mười triệu ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002741 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Buộc ông Đ phải nộp tiếp 79.294.249 đồng (bảy mươi chín triệu hai trăm chín mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà H phải chịu 88.690.340 đồng (tám mươi tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí đã tạm ứng tại biên lai thu số 0010775 ngày 14/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà H còn phải nộp 88.690.340 đồng (tám mươi tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn ba trăm bốn mươi bốn đồng) tiền án phí.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*

*quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. Lâm Hà (02);
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự (03);
- Lưu AV – HS (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Lê Thị Vân**